

**SỞ Y TẾ TÂY NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 17 tháng 9 năm 2024

Số: 1290 /KSBT-SKMT&YTTH

V/v kết quả giám sát định kỳ chất lượng

nước sạch tại các cơ sở cấp nước

CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH

ĐẾN Số: 298
Ngày: 17/9/2024
Chuyên: CHẨN ĐOÁN, BỆNH, PHÒNG CHỐNG
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh

Căn cứ Thông tư 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 của Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư 41/2018/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 30/05/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Thực hiện công văn số 1141/KSBT-SKMT&YTTH của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh ngày 14/8/2024 về việc giám sát định kỳ chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Trung tâm đã tiến hành giám sát định kỳ chất lượng nước sạch tại các đơn vị cấp nước kết quả như sau:

I. Nội dung giám sát

- Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước
- Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm
- Tình hình chất lượng nước
- Thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước
- Lấy mẫu ngoại kiểm chất lượng nước sạch tại các cơ sở cấp nước

II. Kết quả giám sát

1. Việc thực hiện chế độ nội kiểm của các cơ sở cấp nước: (đính kèm phụ lục)

2. Kết quả ngoại kiểm nước:

- Tổng số mẫu: 01 mẫu
- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu/đơn vị cấp nước (tại nhà máy cấp nước)
- Chỉ tiêu xét nghiệm: Xét nghiệm 17 chỉ tiêu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Kết quả:

Stt	Tên cơ sở cấp nước	Đơn vị quản lý, vận hành	Kết quả xét nghiệm theo QCVN 01-1:2018/BYT	Chỉ tiêu không đạt
1	Nhà máy nước Tây Ninh	Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	Đạt	-
2	Trạm CN Châu Thành	Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	Đạt	-
3	Trạm CN Bến Cầu	Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	Đạt	-
4	Trạm CN Gò Dầu	Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	Đạt	-
5	Trạm CN Thị trấn Trảng Bàng	Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	Đạt	-
6	Trạm CN KCN Trảng Bàng	Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	Đạt	-
7	Trạm CN Long Thành Trung	Công ty CP cấp thoát nước Tây Ninh	Trạm hoạt động dự phòng	

3. Kết luận

- Về việc thực hiện chế độ nội kiểm:
 - + Đơn vị thực hiện đúng về tần suất, số lượng mẫu và chỉ tiêu xét nghiệm trong từng lần nội kiểm theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT và QCĐP 01:2024/TN.
 - + Đơn vị thực hiện chế độ báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước sạch theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT.

- Về kết quả ngoại kiểm nước: 6/6 mẫu nước xét nghiệm đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT (đính kèm kết quả ngoại kiểm).

4. Kiến nghị của đoàn giám sát

- Đề nghị đơn vị duy trì thực hiện chế độ nội kiểm chất lượng nước sạch, chế độ báo cáo, công khai thông tin chất lượng nước sạch và thực hiện các nội dung khác đúng theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT và QCDP 01:2024/TN.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: TC-HC; SKMT-YTTH QUỠ



PHỤ LỤC

TT	Tên đơn vị cấp nước	Nguồn nước nguyên liệu	Số hộ gia đình được cung cấp nước sạch hoặc số công ty cung cấp nước	Công suất thiết kế	Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước	Tình hình chất lượng nước	Số mẫu nước xét nghiệm định kỳ	Tần suất thực hiện nội kiểm	Chế độ thông tin báo cáo	Nhận xét
1	Nhà máy nước Tây Ninh	Nước mặt	20.762 hộ	30.000 m ³ /ngày đêm	Đầy đủ theo quy định	Đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT	03 mẫu	- 1 tháng/lần thông số A - 6 tháng/ lần 34 thông số B (tháng 6/2024)	- Có công khai kết quả xét nghiệm định kỳ website công ty. - Thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả chất lượng nước sạch hàng quý gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT	- Thực hiện chế độ nội kiểm đúng theo quy định về tần suất, số lượng mẫu và chỉ tiêu xét nghiệm trong từng lần nội kiểm. - Báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước sạch đúng theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT

Trạm CN Châu Thành	Nước dưới đất	4.998 hộ	2.800 m3/ngày đêm	Đầy đủ theo quy định	Đạt theo QCVN 01- 1:2018/BYT	03 mẫu	- 1 tháng/lần thông số A - 6 tháng/ lần 34 thông số B (tháng 6/2024)	- Có công khai kết quả xét nghiệm định kỳ website công ty. - Thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả chất lượng nước sạch hàng quý gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT	- Thực hiện chế độ nội kiểm đúng theo quy định về tần suất, số lượng mẫu và chỉ tiêu xét nghiệm trong từng lần nội kiểm. - Báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước sạch đúng theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT
Trạm CN Bến Cầu	Nước dưới đất	1.353 hộ	2.950 m3/ngày đêm	Đầy đủ theo quy định	Đạt theo QCVN 01- 1:2018/BYT	03 mẫu	- 1 tháng/lần thông số A - 6 tháng/ lần 34 thông số B (tháng 6/2024)	- Có công khai kết quả xét nghiệm định kỳ website công ty. - Thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả chất lượng nước sạch hàng quý gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT	- Thực hiện chế độ nội kiểm đúng theo quy định về tần suất, số lượng mẫu và chỉ tiêu xét nghiệm trong từng lần nội kiểm. - Báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước sạch đúng theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT

Trạm CN Gò Dầu	Nước dưới đất	5.263 hộ	5.000 m ³ /ngày đêm	Đầy đủ theo quy định	Đạt theo QCVN 01- 1:2018/BYT	03 mẫu	- 1 tháng/lần thông số A - 6 tháng/ lần 34 thông số B (tháng 6/2024)	- Có công khai kết quả xét nghiệm định kỳ website công ty. - Thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả chất lượng nước sạch hàng quý gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT	- Thực hiện chế độ nội kiểm đúng theo quy định về tần suất, số lượng mẫu và chỉ tiêu xét nghiệm trong từng lần nội kiểm. - Báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước sạch đúng theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT
Trạm CN Thị xã Trảng Bàng	Nước dưới đất	2.067 hộ	2.400 m ³ /ngày đêm	Đầy đủ theo quy định	Đạt theo QCVN 01- 1:2018/BYT	03 mẫu	- 1 tháng/lần thông số A - 6 tháng/ lần 34 thông số B (tháng 6/2024)	- Có công khai kết quả xét nghiệm định kỳ website công ty. - Thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả chất lượng nước sạch hàng quý gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT	- Thực hiện chế độ nội kiểm đúng theo quy định về tần suất, số lượng mẫu và chỉ tiêu xét nghiệm trong từng lần nội kiểm. - Báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước sạch đúng theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT

Trạm CN KCN Trảng Bàng	Nước dưới đất	50 công ty 458 hộ	2.900 m3/ngày đêm	Đầy đủ theo quy định	Đạt theo QCVN 01- 1:2018/BYT	03 mẫu	- 1 tháng/lần thông số A - 6 tháng/ lần 34 thông số B (tháng 6/2024)	- Có công khai kết quả xét nghiệm định kỳ website công ty. - Thực hiện báo cáo đầy đủ kết quả chất lượng nước sạch hàng quý gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT	- Thực hiện chế độ nội kiểm đúng theo quy định về tần suất, số lượng mẫu và chỉ tiêu xét nghiệm trong từng lần nội kiểm. - Báo cáo và công khai thông tin chất lượng nước sạch đúng theo quy định tại Thông tư 41/2018/TT-BYT
Trạm CN Long Thành Trung	Nước dưới đất	12.339 hộ	1.200 m3/ngày đêm				Trạm hoạt động dự phòng		

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 00408.24



VLAT 1.0328

ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
NƯỚC SẠCH NĂM 2024

Địa chỉ :

Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi

Địa điểm lấy mẫu : Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh - Nhà Máy Nước Tây Ninh,
Đường Bồi Lòi, Phường Ninh Sơn, Thành Phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 19/08/2024

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 1,0 lít x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 19/08/2024

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh, ngày 19/8/2024. Trên tem niêm phong có chữ ký của Bà Biện Phi Vân - đại diện đoàn kiểm tra, chữ ký của Ông Phạm Đăng Khôi – cán bộ lấy mẫu, chữ ký của Ông Nguyễn Văn Hùng – đại diện đơn vị cấp nước.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	QTTN.HHN.01 (*)	6,94	6,0-8,5	19/08/2024
02	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	19/08/2024
03	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	19/08/2024
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,07 NTU	≤ 2,0 NTU	20/08/2024
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,21 TCU	≤ 15 TCU	20/08/2024
06	Sắt tổng cộng (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500 B – Fe B – 2017	0,05 mg/L	≤ 0,3 mg/L	20/08/2024
07	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	EPA 375.4	4,67 mg/L	≤ 250 mg/L	20/08/2024
08	Độ cứng, tính theo (CaCO ₃)	QTTN.HHN.05 (*)	10,00 mg/L	≤ 300 mg/L	20/08/2024
09	Chỉ số Pecmanganat (O ₂)	TCVN 6186: 1996	0,48 mg/L	≤ 2,0 mg/L	20/08/2024
10	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,80 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	19/08/2024
11	Amoni (tính theo N)	SMEWW 4500 –NH ₃ B – 2017	0,15 mg/L	≤ 0,3 mg/L	20/08/2024
12	Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180 – 1996	0,10 mg/L	≤ 2,0 mg/L	20/08/2024
13	Nitrite (tính theo N)	QTTN.HHN.08	0,00 mg/L	≤ 0,05 mg/L	20/08/2024
14	E.coli	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	20/08/2024

Mã số mẫu: 00408.24

15	Coliforms tổng số	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	20/08/2024
16	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	20/08/2024
17	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B – 2017	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	20/08/2024

Ghi chú:

- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Quá thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN**



Ths. Lâm Thị Kim Tuyền

Ngày 26 tháng 08 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Phước Đoàn

Số: 0382/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 00409.24



VLAT 1.0328
ISO/IEC 17025:201

Tên khách hàng : CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
NƯỚC SẠCH NĂM 2024

Địa chỉ :

Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi

Địa điểm lấy mẫu : Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh- Trạm Cấp Nước Châu Thành,
Khu Phố 3, Thị Trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 19/08/2024

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 1,0 lít x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 19/08/2024

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh, ngày 19/8/2024. Trên tem niêm phong có chữ ký của Bà Biện Phi Vân - đại diện đoàn kiểm tra, chữ ký của Ông Phạm Đăng Khôi – cán bộ lấy mẫu, chữ ký của Ông Nguyễn Văn Hùng – đại diện đơn vị cấp nước.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	QTTN.HHN.01 (*)	6,74	6,0-8,5	19/08/2024
02	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	19/08/2024
03	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	19/08/2024
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,08 NTU	≤ 2,0 NTU	20/08/2024
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	20/08/2024
06	Sắt tổng cộng (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500 B – Fe B – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,3 mg/L	20/08/2024
07	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	EPA 375.4	2,05 mg/L	≤ 250 mg/L	20/08/2024
08	Độ cứng, tính theo (CaCO ₃)	QTTN.HHN.05 (*)	40,00 mg/L	≤ 300 mg/L	20/08/2024
09	Chỉ số Pecmanganat (O ₂)	TCVN 6186: 1996	0,48 mg/L	≤ 2,0 mg/L	20/08/2024
10	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,50 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	19/08/2024
11	Amoni (tính theo N)	SMEWW 4500 –NH ₃ B – 2017	0,02 mg/L	≤ 0,3 mg/L	20/08/2024
12	Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180 – 1996	0,00 mg/L	≤ 2,0 mg/L	20/08/2024
13	Nitrite (tính theo N)	QTTN.HHN.08	0,00 mg/L	≤ 0,05 mg/L	20/08/2024
14	E.coli	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	20/08/2024

Mã số mẫu: 00409.24

Mã số mẫu: 00409.24					
15	Coliforms tổng số	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	20/08/2024
16	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	20/08/2024
17	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B – 2017	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	20/08/2024

Ghi chú:

- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.*
- *Quá thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.*

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**

Ths. Lâm Thị Kim Tuyền

Ngày 26 tháng 08 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Phước Đoàn

Số: 0384/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 00411.24



VLAT 1.0328

ISO/IEC 17025:201

Tên khách hàng : CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
NƯỚC SẠCH NĂM 2024

Địa chỉ :

Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi

Địa điểm lấy mẫu : Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh - Trạm Cấp Nước Bến Cầu, Số 1251,
Đường Nguyễn Trung Trực, Kp. 1, Tt. Bến Cầu, Huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 20/08/2024

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 1,0 lít x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 20/08/2024

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh, ngày 20/8/2024. Trên tem niêm phong có chữ ký của Bà Biện Phi Vân - đại diện đoàn kiểm tra, chữ ký của Ông Phạm Đăng Khôi - cán bộ lấy mẫu, chữ ký của Ông Nguyễn Văn Hùng - đại diện đơn vị cấp nước.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	QTTN.HHN.01 (*)	6,75	6,0-8,5	20/08/2024
02	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	20/08/2024
03	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	20/08/2024
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,06 NTU	≤ 2,0 NTU	21/08/2024
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	5,79 TCU	≤ 15 TCU	21/08/2024
06	Sắt tổng cộng (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500 B – Fe B – 2017	0,07 mg/L	≤ 0,3 mg/L	21/08/2024
07	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	EPA 375.4	2,94 mg/L	≤ 250 mg/L	21/08/2024
08	Độ cứng, tính theo (CaCO ₃)	QTTN.HHN.05 (*)	24,00 mg/L	≤ 300 mg/L	21/08/2024
09	Chỉ số Pecmanganat (O ₂)	TCVN 6186: 1996	0,64 mg/L	≤ 2,0 mg/L	21/08/2024
10	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,44 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	20/08/2024
11	Amoni (tính theo N)	SMEWW 4500 –NH ₃ B – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,3 mg/L	22/08/2024
12	Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180 – 1996	0,00 mg/L	≤ 2,0 mg/L	22/08/2024
13	Nitrite (tính theo N)	QTTN.HHN.08	0,00 mg/L	≤ 0,05 mg/L	21/08/2024
14	E.coli	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Mã số mẫu: 00411.24

15	Coliforms tổng số	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	21/08/2024
16	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024
17	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B – 2017	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Ghi chú:

- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN**



Ths. Lâm Thị Kim Tuyền

Ngày 27 tháng 08 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Phước Đoàn

Số: 0385/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 00412.24



VLAT 1.0328
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
NƯỚC SẠCH NĂM 2024

Địa chỉ :

Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi

Địa điểm lấy mẫu : Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh - Trạm Cấp Nước Thanh Hà,
Đường Hùng Vương, Kp. Thanh Hà, Tt. Gò Dầu, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 20/08/2024

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 1,0 lít x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 20/08/2024

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh, ngày 20/8/2024. Trên tem niêm phong có chữ ký của Bà Biện Phi Vân - đại diện đoàn kiểm tra, chữ ký của Ông Phạm Đăng Khôi – cán bộ lấy mẫu, chữ ký của Ông Nguyễn Văn Hùng – đại diện đơn vị cấp nước.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	QTTN.HHN.01 (*)	7,13	6,0-8,5	20/08/2024
02	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	20/08/2024
03	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	20/08/2024
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,05 NTU	≤ 2,0 NTU	21/08/2024
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	21/08/2024
06	Sắt tổng cộng (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500 B – Fe B – 2017	0,06 mg/L	≤ 0,3 mg/L	21/08/2024
07	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	EPA 375.4	2,40 mg/L	≤ 250 mg/L	21/08/2024
08	Độ cứng, tính theo (CaCO ₃)	QTTN.HHN.05 (*)	26,00 mg/L	≤ 300 mg/L	21/08/2024
09	Chỉ số Pecmanganat (O ₂)	TCVN 6186: 1996	0,96 mg/L	≤ 2,0 mg/L	21/08/2024
10	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,76 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	20/08/2024
11	Amoni (tính theo N)	SMEWW 4500 –NH ₃ B – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,3 mg/L	22/08/2024
12	Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180 – 1996	0,00 mg/L	≤ 2,0 mg/L	22/08/2024
13	Nitrite (tính theo N)	QTTN.HHN.08	0,00 mg/L	≤ 0,05 mg/L	21/08/2024
14	E.coli	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Mã số mẫu: 00412.24

15	Coliforms tổng số	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	21/08/2024
16	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024
17	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B – 2017	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Ghi chú:

- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**



Ths. Lâm Thị Kim Tuyền

Ngày 27 tháng 08 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Phước Đoàn

Số: 0387/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 00414.24



VLAT 1.0328
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
NƯỚC SẠCH NĂM 2024

Địa chỉ :

Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi

Địa điểm lấy mẫu : Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh - Trạm Cấp Nước Giếng Mạch,
Khu Phố Lộc Thành, Phường Trảng Bàng, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 21/08/2024

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 1,0 lít x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 21/08/2024

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh, ngày 21/8/2024. Trên tem niêm phong có chữ ký của Bà Biện Phi Vân - đại diện đoàn kiểm tra, chữ ký của Ông Phạm Đăng Khôi - cán bộ lấy mẫu, chữ ký của Ông Nguyễn Văn Hùng - đại diện đơn vị cấp nước.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	QTTN.HHN.01 (*)	6,42	6,0-8,5	21/08/2024
02	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	21/08/2024
03	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	21/08/2024
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,09 NTU	≤ 2,0 NTU	22/08/2024
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	22/08/2024
06	Sắt tổng cộng (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500 B – Fe B – 2017	0,02 mg/L	≤ 0,3 mg/L	22/08/2024
07	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	EPA 375.4	2,16 mg/L	≤ 250 mg/L	22/08/2024
08	Độ cứng, tính theo (CaCO ₃)	QTTN.HHN.05 (*)	32,00 mg/L	≤ 300 mg/L	22/08/2024
09	Chỉ số Pecmanganat (O ₂)	TCVN 6186: 1996	0,64 mg/L	≤ 2,0 mg/L	22/08/2024
10	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,65 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	21/08/2024
11	Amoni (tính theo N)	SMEWW 4500 –NH ₃ B – 2017	0,05 mg/L	≤ 0,3 mg/L	22/08/2024
12	Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180 – 1996	0,55 mg/L	≤ 2,0 mg/L	22/08/2024
13	Nitrite (tính theo N)	QTTN.HHN.08	0,00 mg/L	≤ 0,05 mg/L	22/08/2024
14	E.coli	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Mã số mẫu: 00414.24

15	Coliforms tổng số	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	21/08/2024
16	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024
17	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B – 2017	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Ghi chú:

- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN**



Ths. Lâm Thị Kim Tuyền

Ngày 29 tháng 08 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Phước Đoàn

Số: 0388/KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 00415.24



VLAT 1.0328
ISO/IEC 17025:2017

Tên khách hàng : CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
NƯỚC SẠCH NĂM 2024

Địa chỉ :

Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi

Địa điểm lấy mẫu : Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh - Trạm Cấp Nước KCN Trảng Bàng,
Đường Số 7 KCN Trảng Bàng, Kp. Suối Sâu, P. An Tịnh, Thị Xã Trảng Bàng,
Tỉnh Tây Ninh.

Tên mẫu : NƯỚC MÁY

Ngày lấy mẫu : 21/08/2024

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 1,0 lít x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 21/08/2024

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh, ngày 21/8/2024. Trên tem niêm phong có chữ ký của Bà Biện Phi Vân - đại diện đoàn kiểm tra, chữ ký của Ông Phạm Đăng Khôi - cán bộ lấy mẫu, chữ ký của Ông Nguyễn Văn Hùng - đại diện đơn vị cấp nước.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	QTTN.HHN.01 (*)	6,57	6,0-8,5	21/08/2024
02	Mùi	SMEWW 2150 B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	21/08/2024
03	Vị	SMEWW 2160 B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	21/08/2024
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,07 NTU	≤ 2,0 NTU	22/08/2024
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	22/08/2024
06	Sắt tổng cộng (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	SMEWW 3500 B – Fe B – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,3 mg/L	22/08/2024
07	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	EPA 375.4	2,19 mg/L	≤ 250 mg/L	22/08/2024
08	Độ cứng, tính theo (CaCO ₃)	QTTN.HHN.05 (*)	8,00 mg/L	≤ 300 mg/L	22/08/2024
09	Chỉ số Pecmanganat (O ₂)	TCVN 6186: 1996	0,48 mg/L	≤ 2,0 mg/L	22/08/2024
10	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,50 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	21/08/2024
11	Amoni (tính theo N)	SMEWW 4500 –NH ₃ B – 2017	0,07 mg/L	≤ 0,3 mg/L	22/08/2024
12	Nitrate (tính theo N)	TCVN 6180 – 1996	0,10 mg/L	≤ 2,0 mg/L	22/08/2024
13	Nitrite (tính theo N)	QTTN.HHN.08	0,00 mg/L	≤ 0,05 mg/L	22/08/2024
14	E.coli	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Mã số mẫu: 00415.24

15	Coliforms tổng số	TCVN 6187 – 1:2019 (*) (ISO 9308-1 : 2014)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	21/08/2024
16	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (*) (ISO 16266 : 2006)	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024
17	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B – 2017	0 CFU /100 mL	< 1 CFU/100 mL	21/08/2024

Ghi chú:

- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

**TRƯỞNG KHOA
XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN**

Ths. Lâm Thị Kim Tuyến

Ngày 29 tháng 08 năm 2024

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Phước Đoàn